TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 49/2026/DS-ST Ngày 27-02-2026 V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quốc Cường;

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2025/TLST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn Đ, sinh năm: 01/01/1988.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số F, N, phường V, Thành phố Cần Thơ.

Theo giấy ủy quyền ngày 03/11/2025.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn M, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp Nhà Máy A, xã T, tỉnh Cà Mau.

(Bà N, ông M có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày: Ngày 27/10/2023 ông có hợp đồng mua bán lúa với ông Phạm Văn M, sau khi thỏa thuận ông có giao tiền mặt cho ông M để đặt cọc tiền mua lúa là 90.000.000 đồng. Theo hợp đồng thì ông M có trách nhiệm giao lúa cho ông với tổng trọng lượng 300 tấn lúa ĐT8 hoặc OM với giá 9.000 đồng/kg, giao lọt lòng

xuống ghe và ông M cam kết đến ngày 12/12/2023 sẽ giao đủ. Tuy nhiên, đến ngày hẹn ông M không giao được lúa và hứa hẹn sẽ trả lúa hoặc trả tiền sau nhưng ông M không thực hiện. Nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M trả lại số tiền cọc mua lúa là 90.000.000 đồng. Từ ngày 13/12/2023 ông M không trả lại tiền mua lúa cho ông nên yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 13/12/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 16.602.000 đồng.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của ông Đ, bà Nguyễn Thanh N1 trình bày: Ông Đ với ông M có hợp đồng mua bán lúa, ký hợp đồng vào ngày 27/10/2023, thỏa thuận giao lúa 07 ngày sau khi ký hợp đồng. Đến hạn, ông M không giao lúa, do không có lúa để giao. Ông M hứa trả lại tiền đặt cọc 90.000.000 đồng nhưng không trả cho ông Đ nên ông Đ yêu cầu ông M có nghĩa vụ thanh toán số tiền cọc lúa đã nhận là 90.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 13/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/02/2026 là 26 tháng 14 ngày.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Phạm Văn M1 trình bày: Ông và ông Đ quen biết đã hơn 10 năm đã ký hợp đồng mua bán lúa nhiều lần. Ngày 13/12/2023 ông nhận hợp đồng mua bán lúa với ông Đ cùng với ông H số tiền là 90.000.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng cho lại tiền cò, chỉ giao cho ông với ông H là 80.000.000 đồng, ông nhận 40.000.000 đồng, ông H 40.000.000 đồng. Ông có giao cho ông Đ 48 tấn lúa, ông H giao 45 tấn thì ông Đ tự ý bỏ về do giá lúa sụt 1000 đồng/kg. Hợp đồng mua bán lúa khô – lúa tươi – lúa nước ngày 27/10/2023 ông không có ký với ông Đ, ông không nhận tiền cọc 90.000.000 đồng của ông Đ mà chỉ nhận 40.000.000 đồng, trong đó tiền mặt 20.000.000 đồng, chuyển khoản 20.000.000 đồng. Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông Đ trả lại số tiền 90.000.000 đồng tiền cọc lúa và tiền lãi, vì ông Đ không thực hiện đúng như hợp đồng không nhận lúa, tự ý bỏ về không phải ông không giao lúa như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn Đ yêu cầu Phạm Văn M1 trả tiền cọc mua lúa và tiền lãi chậm trả, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy, nguyên đơn cung cấp bản chụp và bản phô tô Hợp đồng mua bán lúa khô – lúa tươi – lúa nước ngày 27/10/2023 âm lịch nhưng không cung cấp bản gốc vì cho rằng đã bị hư hỏng. Đối với hợp đồng này bị đơn không thừa nhận có ký hợp đồng. Theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật tố tụng, bản hợp đồng này không được Hội đồng xét xử xem là chứng cứ.

Tại phiên tòa, ông M thừa nhận có hợp đồng mua bán lúa với ông Đ vào ngày 13/12/2023 và nhận tiền cọc của ông Đ nên Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ xác định giữa ông Đ với ông M có giao kết hợp đồng mua bán lúa. Ông M thừa nhận có nhận tiền cọc của ông Đ là 40.000.000 đồng.

Về việc không thực hiện được hợp đồng, theo đại diện nguyên đơn cho rằng do ông M không có lúa giao nên ông Đ, tuy nhiên, ông Đ không có tài liệu gì thể hiện tại thời điểm hết hạn hợp đồng mà ông M không có lúa để giao theo thỏa thuận.

Các cuộc ghi âm do đại diện nguyên đơn cung cấp chỉ thể hiện các bên tranh cãi với nhau về việc giao lúa không đủ, trả lại tiền nhưng nói là số tiền bao nhiêu, không có sự xác nhận cụ thể việc ông M thừa nhận không có lúa giao như ông Đ trình bày nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định việc không mua bán lúa được là do ông M không có lúa giao, là lỗi của ông M.

Mặt khác, số tiền cọc bên nguyên đơn cho rằng đã trả cho bên bị đơn không chứng minh được do bản hợp đồng nguyên đơn nộp là không được xem là chứng cứ, bên bị đơn chỉ xác định có nhận tiền cọc là 40.000.000 đồng, không phải là 90.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bị đơn trả tiền cọc 90.000.000 đồng và lãi chậm trả. Tiền lãi không được chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 13/12/2022 đến ngày xét xử là 26 tháng (làm tròn) với mức lãi suất 0,83%/tháng bằng số tiền là 19.422.000 đồng. Tổng cộng số tiền không chấp nhận là 90.000.000 đồng + 19.420.000 đồng = 109.422.000 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu ông Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí là 109.422.000 đồng x 5% = 5.471.100 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 144; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 328, 430 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ đối với Phạm Văn M1 đòi tiền cọc và tiền lãi tổng cộng 109.422.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Phan Văn Đ phải chịu là 5.471.100 đồng, đối trừ tạm ứng án phí đã nộp số tiền 2.655.000 đồng, ông Đ phải nộp tiếp án phí là 2.816.100 (Hai triệu, tám trăm mười sáu ngàn, một trăm) đồng.

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 2- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng